TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày: 07-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và bà **Hoàng Thị Bích Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn -** Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L, sinh năm: 1978, tại Thành phố Hồ Chí M.

Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện P, tỉnh N;

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn N, sinh năm 1942 và bà Lương Thị M, sinh năm 1953, anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 03/11/2018 tại nhà tạm giữ công an huyện Tân Phú cho đến nay. (có mặt)

Nhân thân: Ngày 09/12/1998, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong ngày 16/5/1999; ngày 18/7/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt 14 (Mười bốn) tháng tù về tội chống người thi hành công vụ, chấp hành xong ngày 20/02/2003; ngày 04/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt 08 (Tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 17/01/2014.

2. Trần Thế Đ, sinh năm 1989, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện P, tỉnh N;

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần văn H, sinh năm 1960 và bà

Thân Thị Đ, sinh năm 1965; anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Trần Nguyễn Bảo Thùy T, sinh năm 1994; chưa có con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Từ ngày 06/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông **Phạm Xuân G**, sinh năm: 1974; địa chỉ: Số nhà 2328, ấp Phương Mai 2, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Trần Nguyễn Huy M**, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Anh **Lâm Xuân Minh Đ** , sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Phú Tân, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L là người không có nghề nghiệp ổn định, do muốn có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 28/10/2018, khi đi bộ ngang qua nhà của ông Phạm Xuân G thuộc ấp Phương Mai, xã Phú Lâm. L quan sát thấy căn nhà đang xây bên cạnh nhà ông G có một lỗ thủng lớn có thể qua được phòng khám của ông Phạm Xuân G, L đi qua lỗ thủng để vào nhà. Khi vào được bên trong L quan sát thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 để bên cạnh 01 người đàn ông đang ngủ ở trên giường, L lén lút lấy điện thoại bỏ vào người rồi rời khỏi nhà. Trên đường về đi ngang qua nhà của Trần Thế Đ, thấy Đ đang ngồi nhậu cùng với bạn, L vào gọi Đ ra ngoài và hỏi có mua điện thoại không, đồng thời đưa điện thoại vừa trộm cắp cho Đ xem, sau khi xem và không mở được khóa màn hình điện thoại thì bản thân Đ đã nhận thức được đây không phải là tài sản của L nhưng vẫn đồng ý mua với giá 1.000.000đ, Đ đưa trước cho Phạm Văn L 500.000đ, còn nợ lại số tiền 500.000đ hẹn đến sáng sẽ trả tiếp. Khoảng 07 giờ sáng ngày 28/10/2018, L đến gặp Đ để lấy số tiền còn nợ thì được Trần Nguyễn Huy M đưa trước 200.000đ, tiếp đó Đ trả cho L 300.000đ, L chỉ lấy 450.000đ. Số tiền bán được 950.000đ L tiêu xài cá nhân hết.

Trên cơ sở trình báo của người bị hại, qua hình ảnh trong camera giám sát tại phòng khám của nhà bị hại, Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra và làm rõ được nội dung vụ án như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá số 73/KL.HĐĐGTS ngày 06/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 màu xanh đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-TP ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị bị cáo Phạm Văn L về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Thế Đ về tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn L mức án từ 12 (Mười hai) đến 14 (Mười bốn) tháng tù; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thế Đ xử phạt bị cáo Đ từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, các bị cáo thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Quá trình điều tra, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

Ý kiến của người bị hại Phạm Xuân G: Vào khoảng 04 giờ sáng ngày 28/10/2018, ông dậy tìm điện thoại không thấy nên kiểm tra lại camera giám sát thì thấy có 01 đối tượng là nam giới lén lút vào nhà của ông qua lỗ thủng của nhà đang xây bên cạnh, ông nghi ngờ đó là L “Lượm”, từ đó ông trình báo với chính quyền địa phương sự việc. Ông đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự, ông đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của người làm chứng các anh M, Đức: Những người làm chứng đều xác định vào khoảng 02 giờ sáng ngày 28/10/2018, trong lúc đang uống rượu cùng với Trần Thế Đ thì Phạm Văn L đi ngang qua và gọi Đ ra nói chuyện, sau đó Đ đem vào 01 điện thoại di động hiệu samsung note 8 màu xanh hỏi có mua được không, các anh (M, Đức) có hỏi điện thoại của ai thì được Đ trả lời là của L. Rồi Đ mang điện thoại ra nói chuyện với L, việc L có nói nguồn gốc điện thoại cho Đ không thì các anh không rõ, sau đó thì các anh nghỉ nhậu về nhà ngủ. Anh M cũng thừa nhận có đưa cho L số tiền 200.000đ, nhưng số tiền này là do Đ mượn và nhờ anh trả giùm cho L.

Các bị cáo nói lời sau cùng như sau: Các bị cáo biết hành vi của mình là hành vi trái pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về hòa nhập với cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Từ lời khai nhận tội của các bị cáo, ý kiến của người bị hại, người làm chứng, Hội đồng xét xử xác định được diễn biến hành vi của các bị cáo thực hiện như sau: Vào khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 28/10/2018, Phạm Văn L có hành vi lén lút vào nhà của ông Phạm Xuân G thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung note 8, trị giá tài sản chiếm đoạt được định giá là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo đã bán cho Trần Thế Đ với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), L chỉ nhận số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Đ thừa nhận, giữa bị cáo và L không hứa hẹn, thỏa thuận trước việc tiêu thụ tài sản do L trộm cắp được. Mặc dù, biết rõ điện thoại di động hiệu Samsung note 8 không phải là tài sản của L nhưng do ham rẻ và cần có phương tiện để sử dụng nên bị cáo vẫn đồng ý mua với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), L chỉ nhận số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo L, Đ trên đây là phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, phù hợp với Kết luận định giá, biên bản hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định, hành vi của bị cáo L lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 8.500.000đ, đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 173, khoản 1 quy định:

"…1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ…..thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi của bị cáo Trần Thế Đ, không hứa hẹn trước với L biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 323, khoản 1 quy định:

"…1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm….".

Như vậy, Cáo trạng số 07/CT-VKSTP-ĐN ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý

hành chính của Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra xét xử hôm nay là cần thiết, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo L có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt.

[6] Về căn cứ quyết định hình phạt: Bị cáo L có nhận thân xấu, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nhằm tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa sai lầm, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, được hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Đ, buộc bị cáo phải chấp hành thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương là đủ nghiêm.

[7] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Samsung note 8, đã qua sử dụng là tài sản của ông Phạm Xuân G. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú trao trả cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo L có được từ việc bán tài sản do trộm cắp mà có, đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, do đó cần buộc bị cáo phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, do đó Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn L.

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với bị cáo Trần Thế Đ.

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L, phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Trần Thế Đ, phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L **01 (Một) năm tù**, thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Trần Thế Đ **08 (Tám) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (bốn) tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thế Đ cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. (Hội đồng xét xử đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Đ).

2. Buộc bị cáo Phạm Văn L phải nộp số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn L, Trần Thế Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- CQCSĐT Công an huyện Tân Phú;
- CQ THA hình sự Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thị Thịnh